

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 08 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						307 216	149 215	158 001			
I		CẢNG CHÍNH						47 592	4 461	43 131			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						4 926	4 461	465			
1		VTRACO	05/05	817/05	20/05	BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 000	550	450	DỖ	TD	
2		CP VTT VINACOMIN	06/05	826/05	21/05	HD 1866	BÙN 3B	1 696	1 690	6	07/05	TD	
3		KDT NINH BÌNH	06/05	821/05	21/05	HD 2876	CÁM 4B.1	2 230	2 222	8	07/05	PTCB	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						42 666		42 666			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		COALIMEX	07/05	656/04	22/05	BN 1368	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		DVVT QUẢNG NINH	07/05	710-B/04	22/05	BN 1468	BÙN 3B	1 100		1 100		TD	THAY TBGT SỐ 710/04 NGÀY 15/4/2025
8		DVVT QUẢNG NINH	07/05	715/04	22/05	BN 0979	BÙN 3B	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	16/05	777/04	02/05	BN 1089	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
10		CP THAN SÔNG HỒNG	05/05	780/04	20/05	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 048		1 048		TD	GIA HẠN L1
11		ĐTTM DV VINACOMIN	01/05	805/05	15/05	BN 1758	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
12		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
13		ĐTM TM DV VINACOMIN	02/05	809/05	16/05	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	
14		ĐẠM HÀ BẮC	03/05	813/05	18/05	TĐ 19-3	CÁM 4A.1	2 300		2 300			
15		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
17		CP HÀNG HẢI VN	05/05	818/05	20/05	BN 2616	BÙN 3A	1 700		1 700		TD	
18		ĐẠM HÀ BẮC	06/05	822/05	21/05	QN 4114	CÁM 4A.1	1 700		1 700			
19		ĐẠM HÀ BẮC	06/05	823/05	21/05	QN 1043	CÁM 4A.1	2 400		2 400			
20		ĐẠM HÀ BẮC	06/05	824/05	21/05	HN 1988	CÁM 4A.1	3 800		3 800			
21		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	827/05	21/05	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
22		CROMIT THANH HOÁ	06/05	831/05	21/05	BN 1969	BÙN 3B	2 204		2 204		TD	THAY TBGT SỐ 614/03 NGÀY 29/04/2025
23		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	
24		THAN SÔNG HỒNG	06/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
25		KDT HÀ BẮC	07/05	836/05	22/05	BN 1962	BÙN 3B	1 010		1 010		TD	
26		KDT HÀ BẮC	07/05	837/05	22/05	BN 1939	BÙN 3B	1 199		1 199		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 08 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		VTT VINACOMIN	07/05	838/05	22/05	BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	THAY TBGT SỐ 808/05 NGÀY 02/05/2025
28		ĐVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
29		KDT NINH BÌNH	07/05	842/05	22/05	NĐ 3709	CÁM 4B.1	2 000		2 000		PTCB	
		Tàu chuyển tải						124 250	50 011	74 239			
		Tàu đang làm hàng						51 000	50 011	989			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	27/04	768-B/04		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.14	23 000	23 051	- 51	08/05		TTCO: 11.999,44 - CLM: 11.051,55
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/05	804/04		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 000	26 960	1 040	DỠ		TTHG: 23.000 - KVCP:5.800
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						73 250		73 250			
1		ĐIỆN VŨNG ANG	06/05	820/05		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	22 800		22 800			
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/05	835/05		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 700		27 700			KDT CP: 8.000 - CLM:14.000 - KVCP:5.700
3		ĐIỆN VŨNG ANG 1	07/05	839/05		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750			
II		KHO G9-HÓA CHẤT						34 444	16 540	17 904			
		Tàu đã làm hàng						16 859	16 540	319			
1		MIỀN BẮC	06/5	203	21/5	NB - 6039	CÁM 7B	1 729	1 723	6	07/5	PT CB	
2		MIỀN BẮC	06/5	192	21/5	BN - 1746	CÁM 7C	1 050	1 048	2	07/5	PT CB	
3		MIỀN BẮC	07/5	267	22/5	BN - 1959	CÁM 7B	1 270	1 263	7	07/5	PT CB	
4		CP ĐVVT QNINH	06/5	226	21/5	BN - 2096	CÁM 8A	1 500	1 484	16	07/5	TD	
5		CẦU ĐUỐNG	07/5	256	21/5	BN - 1826	CÁM 7C	1 200	1 117	83	07/5	PT CB	
6		CẦU ĐUỐNG	07/5	257	21/5	BN - 1866	CÁM 7C	1 470	1 454	16	07/5	PT CB	
7		MIỀN BẮC	06/5	191	21/5	BN - 2189	CÁM 7C	1 400	1 383	17	07/5	PT CB	
8		SÔNG HỒNG	05/5	148	20/5	BN - 2397	CÁM 8A	1 000	998	2	07/5	TD	
9		MIỀN BẮC	07/5	261	21/5	NB - 8657	CÁM 7C	1 870	1 866	4	07/5	PT CB	
10		THANH HOÁ	05/5	151	20/5	NB - 8881	CỤC 1A	700	695	5	07/5	TD	
11		CP HÀNG HẢI VN	06/5	208	21/5	BN - 1336	CỤC 1B	1 020	1 017	3	07/5	TD	THAY TB 1509/4
12		CP VT&KD THAN	05/5	1140/4	20/5	BN - 2308	CỤC 8C	1 650	1 509	141	07/5	TD	GIA HẠN L1
13		CP ĐTTM&DV	05/5	154/4	20/5	BN - 1883	CỤC 8C	1 000	982	18	07/5	TD	
		Tàu đã làm lệnh						17 585		17 585			
1		SÔNG HỒNG	06/5	160	21/5	BN - 1865	CỤC 1B	1 020		1 020		TD	
2		CP ĐTTM&DV	06/5	209	21/5	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
3		CP ĐVVT QNINH	06/5	210	21/5	BN - 0719	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
4		CP ĐVVT QNINH	06/5	227	21/5	BN - 1936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
5		CP ĐVVT QNINH	06/5	228	21/5	BN - 2222	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	
6		CẦU ĐUỐNG	07/5	258	22/5	HD - 3833	CÁM 7C	2 300		2 300		PT CB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 08 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
7		CP ĐTTM&DV	07/5	259	22/5	BN - 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
8		MIỀN BẮC	07/5	266	22/5	BN - 2728	CÁM 7B	2 585		2 585		PT CB	
9		CP VT THUỶ	07/5	260	22/5	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
10		CẦU ĐUÔNG	07/5	283	22/5	HN - 2028	CÁM 7C	1 150		1 150		PT CB	
11		HẢI PHÒNG	07/5	284	22/5	QN - 9379	CÁM 7B	1 920		1 920		PT CB	
12		HẢI PHÒNG	07/5	310	22/5	BN - 2638	CÁM 7C	1 910		1 910		PT CB	
III		KHO BẢO NGUYỄN						5 120	5 057	63			
		Tàu đã làm hàng						5 120	5 057	63			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	02/05	52	15/05	HN 1809	CÁM 5B.14	3 500	3 443	57	06/05		
2		ĐIỆN PHẢ LẠI		84		QN 4080	CÁM 5B.14	1 620	1 614	6	07/05		
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						20 810	12 540	8 270			
		Tàu đã làm hàng						12 582	12 540	42			
1		VẬN TẢI THUỶ - VINACOMIN	05/5	1 505	20/5	BN 1758	Don 8b	950	942	8	07/5	TD	GIA HẠN LẦN 1
2		CBT QUẢNG NINH	05/5	153	20/5	QN 8068	Cám 6a.1	970	960	10	07/05	CBPT	
3		CBT QUẢNG NINH	06/5	200	21/5	QN 8876	Cám 6a.1	1 986	1 979	7	07/05	CBPT	
4		CBT QUẢNG NINH	07/5	303	22/5	VINACOMIN TD 056-1	Cám 5b.1	5 480	5 466	14	07/05	CBPT	
5		CROMIT THANH HÓA	06/5	218	21/5	CHÍ THÀNH 168	Cám 5b.1	3 196	3 193	3	07/05	CBPT	
		Tàu đã làm lệnh						8 228		8 228			
1		HÀNG HẢI VN	07/5	232	22/5	BN 2335	Don 8a	1 050		1 050		TD	
2		KDT THANH HÓA	07/5	265	22/5	MINH TÂN 68	Cám 5a.1	3 700		3 700		CBPT	
3		CBT QUẢNG NINH	07/5	285	22/5	HP 4469	Cám 5b.1	1 858		1 858		CBPT	
4		CBT QUẢNG NINH	07/5	286	22/5	QN 8225	Cám 6a.1	1 620		1 620		CBPT	
V		TÀU XUẤT KHẨU						55 000	47 806	7 194			
		Tàu đã làm hàng						52 000	47 806	4 194			
1		NHẬT BẢN	29/04	2 460		MV PHOENIX NEREID	CÁM 1	30 000	26 488	3 512	DỖ		TTCO:28.250
2		OXBOW	25/04	2 343		MV GRIZZLY	CỤC 4A.1	15 400	14 700	700	DỖ		TTCO:22.000
							CỤC 5A.1	6 600	6 618	- 18			
		Tàu đã làm lệnh						3 000		3 000			
1		NHẬT BẢN	29/04	14/4		MV YUAN CHEN 27	CỤC 5A.1	3 000		3 000			TTCO:3.000
VI		TÀU NHẬP KHẨU			ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH			20 000	12 800	7 200			
		Tàu đã làm hàng						20 000	12 800	7 200			
1		ÚC		CLM		COPERNICUS N		20 000	12 800	7 200			TTCO:20.000

|

|

